TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST.
Ngày: 27 - 6 - 2025.
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm
2. Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1).

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV S T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trình Kiên T- Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh N. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Huy H1 – Chuyên viên (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 352/QĐ-BIDV.NT ngày 01/7/2024 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ- Chi nhánh N); (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số A Đường B, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh P, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố H, phường K, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 23/10/2024 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/01/2018, bà Phan Thị Thanh P có ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ (Viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số Z76301/2018/HĐTD cụ thể: Số tiền vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay: phục vụ đời sống cá nhân; thời hạn vay 60 tháng; ngày giải ngân: 26/01/2018, ngày đáo hạn: 26/01/2023; lãi suất áp dụng từ khi ký Hợp đồng tín dụng đến ngày 31/3/2018 là 10%/năm, từ ngày 01/4/2018 áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 04 lần/năm vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 theo Thông báo của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Bên vay trả nợ gốc, lãi số tiền 2.130.000 đồng/tháng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Thời điểm vay tiền của Ngân hàng thì bà Phan Thị Thanh P là chuyên viên văn phòng của Ủy ban nhân dân phường M nên đã đồng ý cho Ngân hàng trích nợ tài khoản số 616-10-00-008943-2 tại Ngân hàng của bà P để thu nợ hàng tháng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, sau khi giải ngân số tiền 100.000.000 đồng, từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2022, bà Nguyễn Thị Thanh P1 đã trả được 54.683.417 đồng (trong đó, tiền gốc: 44.600.000 đồng, tiền lãi: 10.083.417 đồng). Từ tháng 02/2022 đến tháng 01/2024, bà P1 không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 03/01/2024, toàn nộ dư nợ vay của bà P1 đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 02/4/2024, bà P1 trả thêm được 19.000.000 đồng tiền gốc.

Tính đến ngày 27/6/2025, bà P1 còn nợ Ngân hàng số tiền 47.194.913 đồng (trong đó: nợ gốc: 25.183.417 đồng, nợ lãi: 22.011.496 đồng). Ngân hàng không yêu cầu tính lãi phạt đối với bà P1.

Do bà P1 vi phạm Hợp đồng tín dụng số Z76301/2018/HĐTD ngày 26/01/2018 đã ký kết với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P1 phải trả toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng tính đến ngày 27/6/2025 là 47.194.913 đồng (trong đó: nợ gốc: 25.183.417 đồng, nợ lãi: 22.011.496 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả xong nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phan Thị Thanh P vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ. Buộc bà Phan Thị Thanh P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2025 là 47.194.913 đồng (trong đó: nợ gốc: 25.183.417 đồng, nợ lãi: 22.011.496 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả xong nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố H, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị Thanh P nhưng bà P không đến tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số Z76301/2018/HĐTD ngày 26-01-2018 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Phan Thị Thanh P trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận. Sau khi ký hợp đồng, bà P đã nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà P có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng 2.130.000 đồng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ nhưng tính đến ngày 27/6/2025, bà P chỉ trả được số tiền 84.900.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 74.816.583 đồng, số tiền lãi đã trả là 10.083.417 đồng). Do đó, có cơ sở khẳng định bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2025) là 47.194.913 đồng (trong đó: nợ gốc: 25.183.417 đồng, nợ lãi: 22.011.496 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả xong nợ vay là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã

ký kết, B kê chi tiết tình hình trả nợ gốc và lãi; đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.194.913 đồng x 5% = 2.360.000 đồng (đã làm tròn). Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ đối với bị đơn Nguyễn Thị Thanh P1.

1. Buộc bà Phan Thị Thanh P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 47.194.913 đồng (bằng chữ: bốn mươi bảy triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm mười ba đồng). Trong đó: nợ gốc: 25.183.417 đồng, nợ lãi: 22.011.496 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2025), bà Phan Thị Thanh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số Z76301/2018/HĐTD ngày 26-01-2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ thì lãi suất mà bà Phan Thị Thanh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Thanh P phải chịu 2.360.000 đồng *(bằng chữ: hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.570.000 đồng (*bằng chữ: một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0003370 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Lưu (Hồ sơ, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Trần Thanh Thư